

Bản tin thị trường

09.08.2022

Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks

Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường

Cổ phiếu quan tâm

Danh mục đầu tư

Tin Doanh Nghiệp

PHR, POW

Data Talks

Thống kê tự doanh

Cổ phiếu tăng trưởng

Lịch chia cổ tức



Thị trường đảo dòng cổ phiếu, Vnindex trụ trên 1250

Thị trường có phiên thứ hai liên tiếp trong tuần này đi ngang và đóng cửa 1258, tăng 2.1 điểm. Thanh khoản trong ngày ở mức khá trên 14 ngàn tỷ trên sàn HOSE. Khối ngoại trong ngày bán ròng 69 tỷ trong đó HPG tiếp tục bị mang ra bán mạnh gần 100 tỷ đồng.

Một số dòng cổ phiếu đang xoay vòng trong tuần này mà trước đó là nhóm bán lẻ hôm thứ hai và nhóm hóa chất phiên hôm nay. Những cổ phiếu bị đè nén khá lâu như DGC, CSV hôm nay bất ngờ tăng rất tốt. Cổ phiếu phân bón và thép cũng tăng tốt chủ yếu ở nhóm cổ phiếu nhỏ.

Cổ phiếu chứng khoán vẫn hút tiền mạnh và giao dịch sôi động. Phiên chiều nhóm cổ phiếu chứng khoán được kéo lên khá cao nhưng lực bán chốt lời cũng mạnh không kém. Tuy nhiên cũng có sự phân hóa mạnh khi VCI, VND, SSI giữ xanh tốt trong khi FTS, SHS, HCM bị bán khá nhiều.

Nhà đầu tư tiếp tục gia tăng nắm giữ cổ phiếu và ưu tiên tích lũy thêm ở các nhịp điều chỉnh. . Nhóm chứng khoán vẫn ưu tiên nắm giữ bên cạnh ngân hàng, bất động sản, bán lẻ, phân bón cũng đáng quan tâm. Một số cổ phiếu nằm trong vùng mua tiếp tục nắm giữ như VND, VCI, FTS, VPB, MBB, LPB, DPM, DGW, MWG, PET, FRT, PHR, GVR.

Tin Doanh Nghiệp

Cao su Phước Hòa mục tiêu lãi trước thuế quý III 220 tỷ đồng



CTCP Cao su Phước Hòa (Mã: PHR) vừa công bố kế hoạch kinh doanh đầu tư quý III/2022 với tổng doanh thu công ty mẹ kỳ vọng 492 tỷ đồng, trong đó từ mảng kinh doanh cao su là 282 tỷ. Lợi nhuận trước thuế quý III mục tiêu đạt 220 tỷ đồng.

Nếu so với quý II vừa rồi, kế hoạch này lần lượt gấp đôi về doanh thu công ty mẹ và gấp 3,38 lần kết quả lợi nhuận.

Còn so với cùng kỳ năm ngoái, mục tiêu này tăng trưởng 74% về doanh thu và tăng 8% về lợi nhuận trước thuế.

Sản lượng cao su khai thác dự kiến là 3.238 tấn mủ quy khô, thu mua khoảng 4.450 tấn mủ quy khô, sản lượng cao su chế biến là 7.421 tấn mủ và tiêu thụ khoảng 7.053 tấn mủ thành phẩm các loại với giá bán bình quân là 40,04 triệu đồng/tấn.

Theo PHR, bên cạnh những thuận lợi và kết quả đạt được từ 6 tháng đầu năm thì giá cả vật tư, nhiên liệu, phân bón đều tăng, trong khi giá bán cao su lại giảm, tình trạng thiếu lao động khai thác mủ, tiền thuê đất cao cũng sẽ ảnh hưởng đến việc hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh 2022.

Năm nay, PHR đề ra mục tiêu tiêu thụ tổng cộng 35.100 tấn cao su, với giá bán bình quân là 41,17 triệu đồng/tấn. Tổng doanh thu công ty mẹ kỳ vọng là 2.252 tỷ đồng với lợi nhuận trước thuế là gần 890 tỷ. Kết thúc nửa đầu năm, PHR đã thực hiện được 36% kế hoạch tiêu thụ mủ cao su, 38% mục tiêu doanh thu công ty mẹ và 35% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Dự án VSIP III có tổng quy mô vào khoảng 1.000 ha, trong đó có 691 ha được phát triển trên đất trồng cao su của PHR. Theo phương án bồi thường, công ty sẽ nhận một khoản đền bù với giá 1,3 tỷ/ha – tương đương tổng giá trị 898 tỷ đồng và 20% lợi nhuận từ dự án (nhưng không thấp hơn 1,2 tỷ/ha, tương đương 830 tỷ).

Theo chia sẻ của ban lãnh đạo vào buổi họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, PHR dự kiến sẽ ghi nhận 691 tỷ tiền bồi thường trong năm nay và 207 tỷ còn lại vào năm 2023. Công ty đã ghi nhận 289 tỷ tiền bồi thường đất trong quý I, dự kiến hơn 400 tỷ còn lại sẽ được ghi nhận trong quý II và quý III.

Doanh thu PV Power đi lùi tháng 7

Báo cáo của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power - Mã: POW) cho biết tháng 7, doanh nghiệp ước đạt 2.210 tỷ đồng tổng doanh thu, giảm khoảng 4% so với ước tính cùng kỳ năm ngoái.

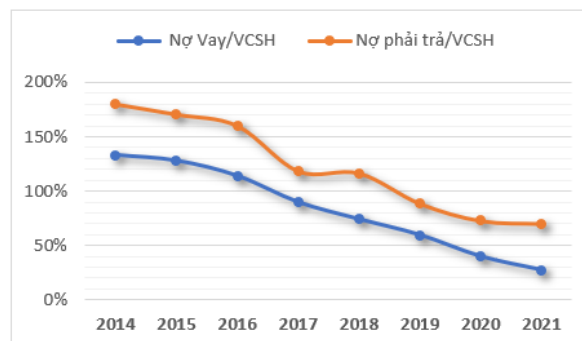
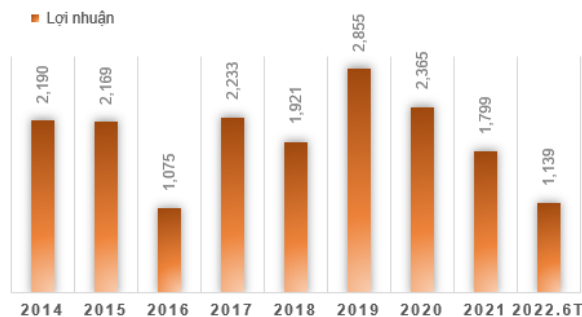
Lũy kế 7 tháng, tổng doanh thu của PV Power ước đạt 16.672 tỷ đồng, giảm 5,7% so với 7 tháng đầu năm 2021 và thực hiện khoảng 69% mục tiêu doanh thu cả năm.

Trong cơ cấu doanh thu tháng 7, nhà máy điện (NMD) Nhơn Trạch 2 đóng góp lớn nhất vào tổng doanh thu với 842 tỷ, chiếm 38%. NMD Cà Mau 1&2 đóng góp lớn thứ hai vào doanh thu với 600 tỷ, tiếp đó là NMD Vũng Áng 1 với 534 tỷ doanh thu.

Tổng công ty cho biết tháng 7 là thời điểm đầu mùa lũ các hồ thủy điện miền Bắc. Giá thị trường trung bình nửa đầu tháng 7 khoảng 1.192 đồng/kWh, cao hơn so với năm 2021 (1.017 đồng/kWh), 2020 (907 đồng/kWh) và xấp xỉ năm 2019 (1.221 đồng/kWh).

Trong nửa cuối năm, PV Power sẽ phải đối mặt với khó khăn là nền kinh tế thế giới suy thoái, tình hình thủy văn bất lợi mưa nhiều và một loạt nhà máy đại tu, trùng tu như Cà Mau 1, Đakrinh và Nhơn Trạch 1.

Tổng công ty cho biết có hai nhà máy thủy điện có thể hưởng lợi từ mưa nhiều là Đakrinh và Hủa Na, song tỷ trọng đóng góp trong hệ thống thấp. Công suất lớn nhất trong hệ thống vẫn là Vũng Áng 1, Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1&2. Ngoài ra, khi giá than nhập khẩu tăng thì các nhà máy than và khí của tổng công ty có lợi thế hơn nhờ sử dụng nguồn trong nước và có tồn kho than.





Danh mục nắm giữ ngắn hạn (1 tuần – 1 tháng)

Ticker	Close	%	Hỗ trợ	Kháng Cự	Note	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
VIB	26.1	(1.5)	18	26	Mua quanh 25.	7/26/2022	1.8%
FPT	86.2	(0.1)	80	100	Mua quanh 83-84	7/26/2022	1.5%
STB	25.3	2.0	18	28	Mua quanh 21.5-22.5	7/26/2022	10.3%
SZC	53.2	0.6	40	65	Mua quanh 47-48	7/26/2022	7.7%
VCI	47.2	1.6	30	48	Mua thêm quanh 42	7/26/2022	25.9%
FTS	35.3	0.1	30	50	Mua quanh 28-29	7/26/2022	18.1%
GVR	25.3	(0.4)	20	27	Mua quanh 21-22.5	7/26/2022	10.7%
CTS	22.0	3.2	17	23	Mua quanh 19.5 - 20	8/2/2022	10.0%
SHB	15.2	0.3	14	17	Mua quanh 14-15	8/2/2022	1.3%
TPB	28.6	0.9	25	30	Mua quanh 25-26	8/2/2022	4.0%
GEX	24.2	-	21	30	Mua quanh 23	8/2/2022	5.2%
DGW	63.8	0.8	50	80	Mua quanh 60	8/2/2022	6.3%
VIX	13.3	1.3	10	16	Mua quanh 11.5	8/3/2022	10.8%
FRT	80.1	(0.4)	70	100	Mua quanh 75-77	8/8/2022	2.7%
SSI	24.8	1.1	20	30	Mua quanh 23-24	8/8/2022	3.3%

Chúng tôi xem xét đưa một số cổ phiếu trong danh mục ngắn hạn sang dài hạn từ 1-3 tháng như **VIB, FPT, STB, VCI, VND, GEX, SSI, GVR**.

Một số cổ phiếu tích lũy tốt trong vùng mua trong tuần 10/8 – 12/8.

AAA, CEO, DIG, DGC, REE, SSI, DGW, MWG, AGR, ANV, DPM, FRT, HCM, POW.

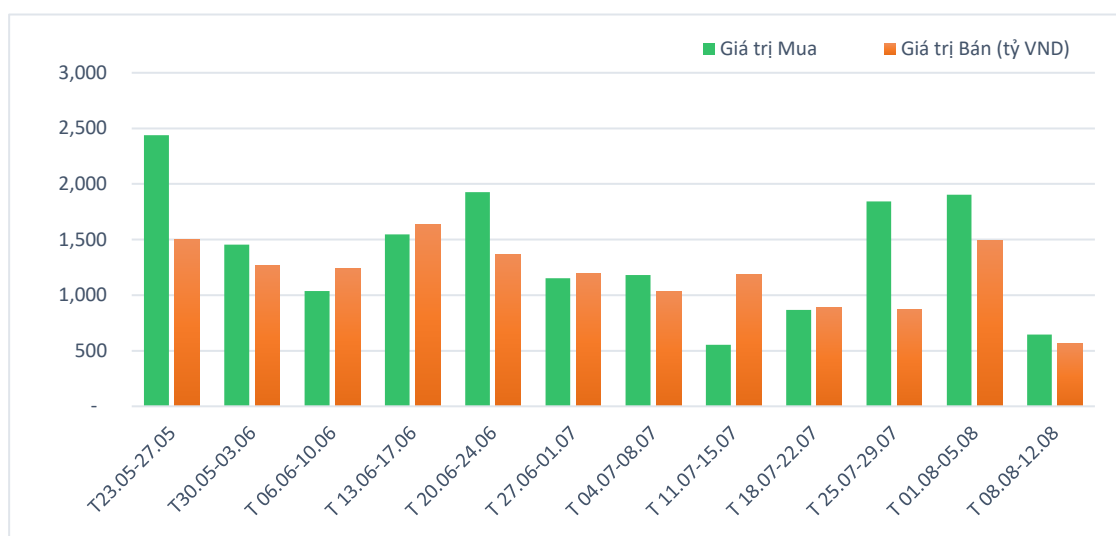


Tổng hợp kết quả kinh doanh 6T.2022

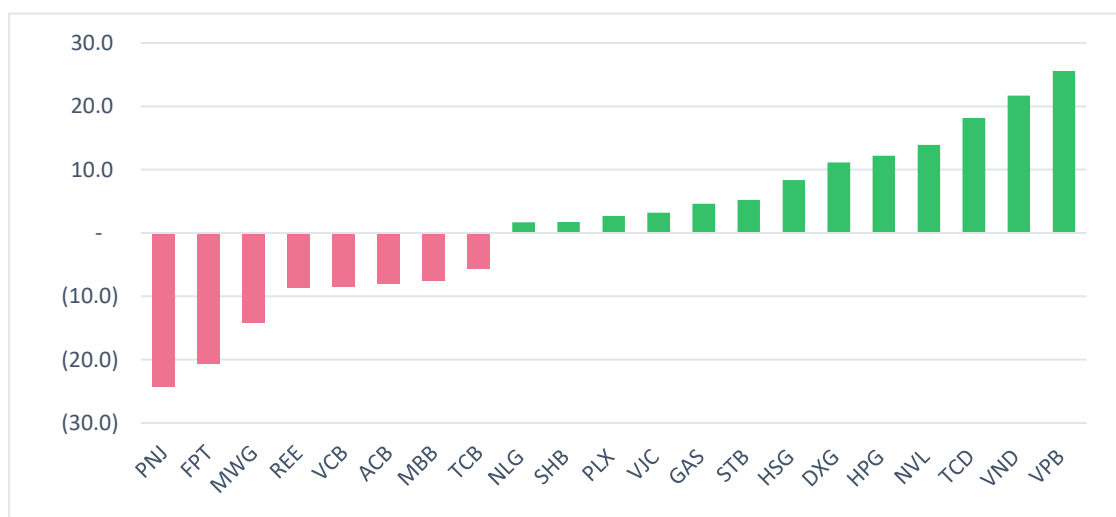
Ngành	SốDN	DT6T.2022	DT6T.2021	%	LN6T.2022	LN6T.2021	%
Ngân hàng	27	203,760	173,141	17.7%	104,667	78,436	33.4%
Dầu khí	23	395,240	232,972	69.7%	22,242	10,863	104.8%
Bất động sản	81	93,342	157,857	-40.9%	18,575	28,731	-35.3%
Sản xuất và KD Thép	26	199,122	165,060	20.6%	14,525	22,369	-35.1%
Thực phẩm và đồ uống	71	156,961	157,122	-0.1%	15,677	13,917	12.6%
Vận tải - Logistics	73	63,186	54,944	15.0%	9,918	5,560	78.4%
Điện	43	78,672	69,172	13.7%	10,206	5,519	84.9%
Phân bón	13	38,528	24,395	57.9%	7,931	1,234	542.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	72	54,699	47,203	15.9%	6,077	6,676	-9.0%
Dịch vụ tài chính	40	26,338	22,619	16.4%	5,530	7,996	-30.8%
Bất động sản KCN	22	31,682	28,932	9.5%	9,234	5,289	74.6%
Xây dựng	110	84,077	84,526	-0.5%	6,318	4,347	45.3%
Hóa chất	27	46,366	32,271	43.7%	4,288	1,745	145.7%
Bán lẻ	21	124,887	105,304	18.6%	3,248	3,416	-4.9%
Thủy sản	24	33,252	25,119	32.4%	3,151	1,039	203.4%
Công nghệ Thông tin	18	24,833	20,617	20.4%	2,928	2,010	45.7%
Vật liệu xây dựng	42	36,968	28,449	29.9%	3,561	2,675	33.1%
Bảo hiểm	11	33,779	29,871	13.1%	2,156	2,421	-10.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27	34,335	25,932	32.4%	2,598	1,798	44.4%
Dệt May	21	36,228	28,330	27.9%	1,945	1,465	32.8%
Nước	48	11,509	11,054	4.1%	1,616	1,608	0.5%
Y tế	36	21,471	24,311	-11.7%	1,550	1,425	8.8%
Viễn thông	5	19,409	16,921	14.7%	3,261	862	278.1%
Du lịch và Giải trí	32	56,344	29,703	89.7%	(4,241)	(8,679)	
Khoáng sản	33	49,095	31,309	56.8%	1,154	947	21.8%
Tài nguyên Cơ bản	20	17,021	15,813	7.6%	760	1,123	-32.3%
Cao su	13	2,599	2,335	11.3%	502	412	21.8%
Truyền thông	30	6,382	4,862	31.3%	486	250	94.1%
Ô tô và phụ tùng	11	23,561	19,738	19.4%	699	548	27.6%
Bao bì	17	18,682	13,248	41.0%	301	248	21.4%
Xây dựng và Vật liệu	58	13,485	15,235	-11.5%	204	(65)	
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	6,691	3,808	75.7%	73	71	3.5%
Tổng	1,100	2,042,500	1,702,175	20.0%	261,139	206,255	26.6%



Tổng giá trị mua bán hàng tuần của tự doanh:

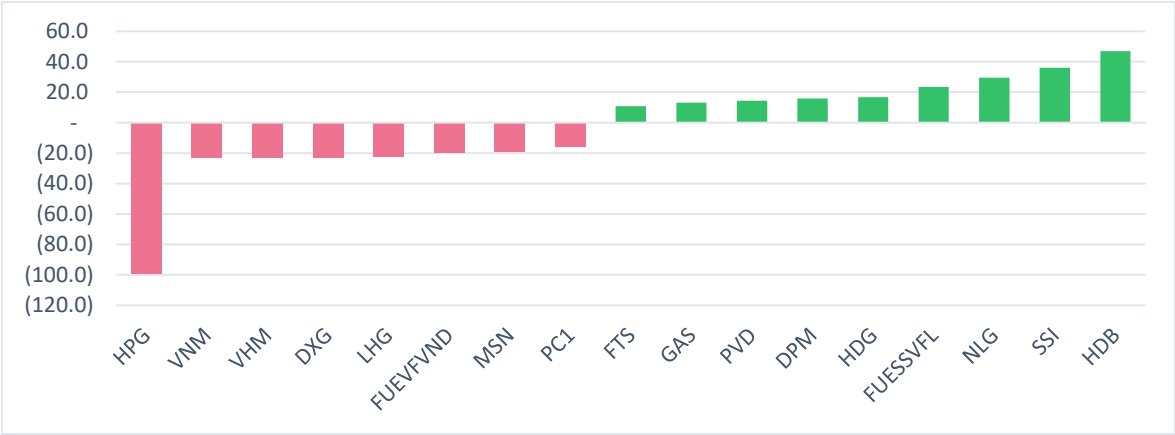


Nhóm cổ phiếu tự doanh mua bán ròng nhiều nhất trong ngày (tỷ VND)





Top mua bán ròng khối ngoại trong ngày (tỷ VND)



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	% so với đầu năm	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	25.0	-9.3%	5,995,200	5.8	1.6	194,300	194,300	4,306	15,416
BID	HOSE	39.2	4.8%	2,040,300	13.6	2.1	2,300	168,100	2,883	18,580
CTG	HOSE	29.1	-16.4%	5,961,800	9.4	1.4	404,900	41,300	3,099	21,387
EIB	HOSE	30.6	-9.9%	400,100	18.4	2.0	4,100	-	1,659	15,513
HDB	HOSE	24.9	-20.1%	1,779,000	6.9	1.4	1,942,400	74,600	3,591	17,576
LPB	HOSE	16.0	-21.4%	6,317,800	4.7	1.2	6,000	3,700	3,398	13,136
MBB	HOSE	26.8	-8.1%	9,550,900	6.3	1.4	473,000	473,000	4,221	18,767
MSB	HOSE	18.8	-34.0%	3,089,500	6.3	1.2	-	-	2,960	16,090
OCB	HOSE	18.1	-35.4%	2,454,900	6.6	1.1	13,800	100	2,754	16,897
SHB	HOSE	15.2	-32.7%	14,782,600	4.9	1.0	29,500	-	3,062	14,879
SSB	HOSE	31.5	-11.4%	1,439,300	12.7	2.6	100	63,500	2,472	11,892
STB	HOSE	25.5	-20.7%	13,785,600	13.4	1.3	177,900	522,600	1,905	18,989
TCB	HOSE	38.2	-25.0%	4,810,300	6.6	1.3	125,000	125,000	5,766	29,757
TPB	HOSE	27.9	-34.8%	2,456,300	6.9	1.5	248,900	36,400	4,024	18,340
VCB	HOSE	78.8	-0.3%	904,300	13.2	3.0	464,600	417,300	5,956	25,988
VIB	HOSE	26.2	-25.8%	1,822,400	5.8	2.0	-	2,600	4,528	13,403
VPB	HOSE	29.0	-19.6%	12,627,600	6.7	1.3	102,000	102,000	4,346	22,163
BAB	HNX	17.0	-19.4%	7,700	17.0	1.4	-	-	1,002	12,383
NVB	HNX	28.8	9.1%	45,500		3.7	-	-	(188)	7,686
VBB	UPCOM	10.7	-44.0%	18,400	9.2	0.8	-	-	1,163	12,626
VAB	UPCOM	10.2	-31.1%	136,700	6.0	0.8	-	-	1,701	12,691
SGB	UPCOM	13.5	-27.4%	36,500		1.1	-	-	502	12,530
PGB	UPCOM	22.0	-34.5%	12,000	20.7	1.5	-	-	1,065	14,590
NAB	UPCOM	14.1	-28.8%	267,000			-	50	3,247	17,329
KLB	UPCOM	23.3	-8.6%	5,500	22.6	1.8	-	-	1,031	13,236
BVB	UPCOM	14.1	-38.7%	619,400	19.7	1.0	-	-	715	13,432
ABB	UPCOM	11.7	-28.7%	2,119,300	4.3	0.9	-	-	2,719	13,255
				93,485,900	10.32	1.56	4,188,800	2,224,550	2,737	16,242



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	X26	UPCoM	31/08/2022	5/9/2022	31/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	SZC	HOSE	30/08/2022	31/08/2022	28/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	UPC	UPCoM	29/08/2022	30/08/2022	15/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	C32	HOSE	25/08/2022	26/08/2022	21/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	FPT	HOSE	24/08/2022	25/08/2022	12/9/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	KDC	HOSE	19/08/2022	22/08/2022	5/9/2022	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	PGD	HOSE	19/08/2022	22/08/2022	27/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	BDW	UPCoM	19/08/2022	22/08/2022	16/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 750 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	PMP	HNX	18/08/2022	19/08/2022	19/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	VNF	HNX	17/08/2022	18/08/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 5:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	HD6	UPCoM	15/08/2022	16/08/2022	31/08/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SBA	HOSE	15/08/2022	16/08/2022	8/9/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	VFG	HOSE	15/08/2022	16/08/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:3	Thưởng cổ phiếu
14	AGX	UPCoM	15/08/2022	16/08/2022	23/08/2022	Trả cổ tức bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	NHC	HNX	15/08/2022	16/08/2022	26/08/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	CRE	HOSE	15/08/2022	16/08/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Thưởng cổ phiếu
17	CRE	HOSE	15/08/2022	16/08/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
18	TID	UPCoM	12/8/2022	15/08/2022	30/08/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	VLP	UPCoM	12/8/2022	15/08/2022	6/9/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	MTV	UPCoM	12/8/2022	15/08/2022	8/9/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	GIL	HOSE	12/8/2022	15/08/2022	26/08/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	PAC	HOSE	12/8/2022	15/08/2022	31/08/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	PCE	HNX	12/8/2022	15/08/2022	15/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	NDX	HNX	12/8/2022	15/08/2022	31/08/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 450 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	NAU	UPCoM	11/8/2022	12/8/2022	25/08/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 87 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	FHS	UPCoM	11/8/2022	12/8/2022	22/08/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	MNB	UPCoM	11/8/2022	12/8/2022	30/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	QNW	UPCoM	11/8/2022	12/8/2022	25/08/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 124 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931